

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH  
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

**CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP IAPA**

**5900187825**

Số: 94/BC-CT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*KôngChro, ngày 23 tháng 5 năm 2023*

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:**

**1. Tổng Doanh thu**

- Kế hoạch: 1,983 tỷ đồng.
- Thực hiện: 1,464 tỷ đồng.
- Thực hiện so kế hoạch: 73,85 %.

**2. Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu**

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện: 0,031 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu bình quân: 9,330 tỷ đồng.
- + Vốn chủ sở hữu đầu kỳ: 9,315 tỷ đồng.
- + Vốn chủ sở hữu cuối kỳ: 9,346 tỷ đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu thực hiện: 0,33 %.

**3. Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn**

- Nợ quá hạn: Không
- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn: 1,67
- + Tài sản ngắn hạn: 2,669 tỷ đồng.
- + Nợ ngắn hạn: 1,602 tỷ đồng.

**4. Tình hình chấp hành pháp luật hiện hành**

- Chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp: Công ty thực hiện đầy đủ quy định về chế độ quản lý tài chính của Nhà nước ban hành.

- Chấp hành chế độ nộp đủ và đúng quy định các loại báo cáo:

- + Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng.
- + Báo cáo thuế.
- + Báo cáo đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp.
- + Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
- + Công bố thông tin doanh nghiệp

- Chấp hành các chính sách với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ khác theo quy định.

**5. Thực hiện nhiệm vụ công ích.**

Công ty hoàn thành nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng tự nhiên. Diện tích cần bảo vệ trong năm như sau:

- Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm:
- + Kế hoạch: 10.280,24 ha
- + Thực hiện: 10.280,24 ha
- + Tỷ lệ hoàn thành thực hiện so với kế hoạch là: 100,00%

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
1	Tổng diện tích rừng được giao quản lý:	Ha	13.934,55	13.934,55
-	Diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Ha	12.490,71	10.280,24
-	Diện tích rừng sản xuất là rừng trồng	Ha	524,35	222,03
-	Diện tích đất chưa có rừng	Ha		3.321,96
-	Diện tích đất ngoài quy hoạch	Ha		110,32
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,983	1,464
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,02	0,045
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,016	0,031
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	0,182	0,113
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng		
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)			
8	Tổng số lao động	Người	23	21
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	2,576	2,296
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	0,834	0,672
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	1,742	1,624

**II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN: Không có.**

**GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh Gia Lai;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT



*Nguyễn Minh Sự*